

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN

TAND THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát.

Ông Nguyễn Văn Tới.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở TAND thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp TB, xã TL, huyện CT, tỉnh TN, VN.

Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 04, hẻm 53, đường BL, khu phố NL, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN, VN.

- Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H tự nguyện quen biết nhau, tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, tỉnh TN theo số: 24/2018; ngày 21-3-2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại khu phố NL, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN.

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Minh H không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, có xảy ra xô xát nhau, anh H có tính ghen tuông. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 15-6-2018. Hiện con đang sống cùng với anh H, nếu Tòa án cho vợ chồng tôi ly hôn, chị B đồng ý để con cho anh H nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố TN, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh H đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc ly hôn với anh H; Về con chung: Giao con tên Lê Ngọc Trâm A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, công bố các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lê Minh H có nơi cư trú: Số nhà 04, hẻm 53, đường Bời Lời, khu phố Ninh Lộc, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN. Căn Cứ khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Chị Huỳnh Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo các Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CT, tỉnh TN theo số: 24/2018; ngày 21-3-2018 nên công

nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị B, anh H phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị tan vỡ do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc xin ly hôn với anh Lê Minh H.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 14-3-2022. Chị B khai hiện con đang sống cùng với anh H thấy rằng:

Xét hoàn cảnh điều kiện sống, điều kiện về kinh tế của chị B: Hiện chị B đang đi làm công nhân, thời gian gần với con ít, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con, cháu A từ nhỏ đã sinh sống cùng cha và ông bà tại một nơi cố định, cần tiếp tục để cháu sinh sống cùng cha. Mặt khác, cháu A chưa đủ tuổi để xem xét cháu có nguyện vọng được sinh sống với cha hay mẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cần yêu cầu của chị B.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày về quyền nuôi con, về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Minh H trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị B. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 26; 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị B đối với anh Lê Minh H. Chị Huỳnh Thị B và anh Lê Minh H không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Lê Minh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 14-3-2022 cho đến khi con thành niên.

Chị Huỳnh Thị B được quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0002678 ngày 16-4-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ghi nhận chị Huỳnh Thị B đã nộp xong.

5. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- UBND xã TL;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa